

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố một người mất tích**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Tổng Thị Hà

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Kim Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:57/2020/TLST-VDS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số:13/2021/QĐST- MPH ngày 08/4/2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Vũ Văn Nê - sinh năm 1973

Trú quán: Xóm Nghĩa Môn, phường L, thị xã B, tỉnh T.

(Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích ngày 26/11/2020, bản tự khai ngày 28/12/2020 và tại phiên họp anh Vũ Văn N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại xóm N, phường L, thị xã B. Chung sống với nhau được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh đi làm ăn xa nhà nên ở nhà chị T bỏ nhà đi và không có tin tức gì với anh. Mặc dù anh đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì. Anh về cả quê ngoại ở Hải Hải, huyện H hỏi anh em họ hàng bên ngoại nhưng không ai có thông tin hay tin tức gì của chị T. Nay thời gian chị T bỏ nhà đi đã lâu, anh

xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho mình nên anh làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B tuyên bố mất tích đối với vợ anh có danh tính như sau:

Họ và tên: Nguyễn Thị T- sinh năm 1970

Nơi cư trú cuối cùng: xóm N, phường L, Thị xã B, tỉnh T.

Tại phiên họp anh Vũ Văn N vẫn giữ nguyên nội dung lời trình bày và quan điểm về yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý việc dân sự như: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tiền tạm ứng lệ phí, xác định quan hệ pháp luật, ra thông báo thụ lý đúng quy định của Điều 365 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuân thủ đầy đủ các quy định về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Việc thông báo thụ lý, việc tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập đương sự viết bản tự khai hợp lệ. Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 144, khoản 2 Điều 146; Điều 384, 385, 387, 388, và 389 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 68 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu của Tòa án tuyên bố một người mất tích của anh Vũ Văn N đối với chị Nguyễn Thị T.
- Đề nghị Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1970; Nơi cư trú cuối cùng: Xóm Ng, phường L, thị xã B, tỉnh T mất tích.

Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố một người mất tích về quan hệ hôn nhân, gia đình các quan hệ nhân thân khác và quan hệ tài sản được giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án buộc anh Vũ Văn N phải nộp lệ phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bì m Sơn, Tòa án nhân dân thị xã B nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét về yêu cầu tuyên bố một người mất tích của anh Vũ Văn N đối với chị Nguyễn Thị T đây là quan hệ “ Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”. Người bị yêu cầu chị Nguyễn Thị T; nơi cư trú cuối cùng tại xóm N, phường L, thị xã B . Vì vậy, áp dụng khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều

35, khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T.

[2] Về nội dung yêu cầu của đương sự: chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Vũ Văn N 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại xóm N, phường L, thị xã B. Sau khi cưới nhau một thời gian, anh N đi làm ăn xa nhà nên ở nhà chị T bỏ nhà đi và không có tin tức gì với anh. Mặc dù anh đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì. Anh N về cả quê ngoại ở xã H, huyện H hỏi anh em họ hàng bên ngoại nhưng không ai có thông tin hay tin tức gì của chị T. Nay thời gian chị T bỏ nhà đi đã lâu, anh N xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho anh nên anh làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim sơn tuyên bố mất tích đối với chị T. Theo quy định tại Điều 387 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo đăng tin tìm kiếm chị Nguyễn Thị T trên báo Công lý trong ba số báo liên tiếp 98, 99, 100 ra các ngày 04, 09 và 11/12/2020 và Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng 3 lần trong ba ngày liên tiếp ngày 10, 11 và 12/12/2020 để tìm chị Nguyễn Thị T về giải quyết việc anh N yêu cầu tuyên bố chị T mất tích.

Nay đã hết thời hạn 4 tháng kể từ ngày đăng tin và phát sóng lần đầu tiên trên báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam nhưng vẫn không có tin tức gì của chị T. Xét thấy, yêu cầu của anh N về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật, nên cần xem xét chấp nhận đơn yêu cầu của anh N.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Theo quy định tại Điều 6, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh Vũ Văn N nộp 300.000đ lệ phí DSST.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39; Điều 144, khoản 2 Điều 146, Điều 149; Điều 361, 362, 363, 387, 388, và 389 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 68 Bộ luật Dân sự,

- Điều 6, Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và tiêu mục 1 phần I danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo.

Điều 1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Vũ Văn N về việc “Yêu cầu tuyên bố một mất tích”.

Điều 2. Tuyên bố chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; Nơi cư trú cuối cùng: Xóm Nghĩa Môn, phường L, thị xã B, tỉnh T “ **mất tích**”

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Vũ Văn N phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B theo biên lai thu số: AA/2019/0007131 ngày 30/11/2020. Như vậy, anh N đã thi hành xong khoản lệ phí giải quyết việc dân sự.

Điều 3: Đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã B;
- UBND phường L
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TỔNG THỊ HÀ